

Bản tin **Pháp chế**

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM



Trong số này:	Trang
I. Quy định mới	2
 Những văn bản pháp lý ban hành trong tháng 10 năm 2017	
II. Điểm tin văn bản pháp luật	3
 Qui định số 98-QĐ/TW ngày 07/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về luân chuyển cán bộ  Quyết định số 2061/QĐ-BTC ngày 13/10/2017 của Bộ Tài chính về việc Áp dụng thí điểm quản lý, giám sát tự động đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cảng hàng không quốc tế Nội Bài  Thông tư 39/2017/TT-BYT quy định về gói dịch vụ y tế cơ bản (DVYTGB) cho tuyến cơ sở  Nghị quyết 437/NQ- UBTVQH14 về việc hoàn thiện, đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật trong đầu tư và khai thác công trình giao thông theo hình thức BOT.  Chỉ thị 39/CT-TTg ngày 24/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ	
III. Công văn giải đáp, hướng dẫn nghiệp vụ	11
 Công văn số 11050/VPCP-ĐMDN ngày 17/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	
IV. Danh mục văn bản nội bộ	12

QUY ĐỊNH MỚI

1. Tổ chức cán bộ	4. Đầu tư
Quy định số 98-QĐ/TW ngày 07/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về luân chuyển cán bộ	Nghị quyết 437/NQ-UBTVQH14 về việc hoàn thiện, đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật trong đầu tư và khai thác công trình giao thông theo hình thức BOT.
2. Xuất nhập khẩu	5. Xử lý hành chính
Quyết định số 2061/QĐ-BTC ngày 13/10/2017 của Bộ Tài chính về việc Áp dụng thí điểm quản lý, giám sát tự động đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cảng hàng không quốc tế Nội Bài	Thông tư <u>39/2017/TT-BYT</u> quy định về gói dịch vụ y tế cơ bản (DVYTCB) cho tuyến cơ sở.
3. Bảo hiểm	6. Tài nguyên, môi trường
Thông tư <u>39/2017/TT-BYT</u> quy định về gói dịch vụ y tế cơ bản (DVYTCB) cho tuyến cơ sở	Công văn số 11050/VPCP-ĐMDN ngày 17/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT



Ngày 07/10/2017, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Quy định số 98-QĐ/TW về Luân chuyển cán bộ. Toàn văn Quy định như sau:

QUY ĐỊNH VỀ LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ

Bộ Chính trị quy định về luân chuyển cán bộ như sau:

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ và luân chuyển cán bộ, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ trong từng giai đoạn.

2- Đổi mới mạnh mẽ công tác luân chuyển cán bộ, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, công bằng; ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, quan hệ dòng họ, thân quen,...

3- Bảo đảm thực hiện chủ trương đào tạo, bồi dưỡng toàn diện và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ; tạo điều kiện cho cán bộ trẻ, có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được rèn luyện thực tiễn; tạo nguồn cán bộ lâu dài cho đất nước, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị và cán bộ cấp chiến lược.

4- Kết hợp luân chuyển với điều động, bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ trong toàn hệ thống chính trị; tăng cường cán bộ cho những nơi khó khăn có nhu cầu,

khắc phục tình trạng nơi thừa, nơi thiếu và cục bộ, khép kín trong công tác cán bộ.

5- Tiếp tục thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ kết hợp chặt chẽ với bố trí một số chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện không là người địa phương và cán bộ không giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

Điều 2. Quan điểm, nguyên tắc

1- Công tác luân chuyển cán bộ phải đặt dưới sự lãnh đạo thường xuyên, trực tiếp, toàn diện của các cấp uỷ, tổ chức đảng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu; giải quyết tốt mối quan hệ giữa luân chuyển với ổn định và xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên sâu; vừa coi trọng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác, vừa coi trọng mục đích bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận.

2- Luân chuyển cán bộ phải bảo đảm tổng thể, đồng bộ, liên thông, thường xuyên, liên tục, có luân chuyển dọc, luân chuyển ngang giữa các cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị; phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ.

3- Bố trí cân đối, hài hoà giữa luân chuyển cán bộ với việc phát triển nguồn cán bộ tại chỗ. Nói chung, chỉ luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, không luân chuyển cán bộ làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ (trừ trường hợp nhằm mục đích tăng cường cán bộ cho cơ sở, cho lĩnh vực hoặc địa bàn cần thiết).

Không điều động về Trung ương, về địa phương hoặc sang địa phương khác những cán bộ bị kỷ luật, năng lực yếu, uy tín giảm sút, không có triển vọng phát triển.

4- Cán bộ luân chuyển phải là cán bộ trẻ, trong quy hoạch, có triển vọng phát triển; có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực công tác tốt; quan tâm lựa chọn, phát hiện cán bộ trẻ có năng lực nổi trội.

5- Việc luân chuyển cán bộ phải có kế hoạch cụ thể và có lộ trình từng bước thực hiện; có cơ chế, chính sách đồng bộ, thống nhất để tạo môi trường, điều kiện cho cán bộ luân chuyển phát huy năng lực, sở trường, chuyên môn, rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn; đồng thời, có quy định quản lý, giám sát đối với cán bộ luân chuyển.

6- Việc xem xét, bố trí cán bộ sau luân chuyển phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tiễn; kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với trách nhiệm cá nhân của cán bộ được luân chuyển và nhận xét, đánh giá cán bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1- Luân chuyển cán bộ là việc cử có thời hạn cán bộ trẻ, có năng lực, triển vọng, trong quy hoạch từ Trung ương về địa phương, từ cấp trên xuống cấp dưới và giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị nhằm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách cán bộ và làm cơ sở lựa chọn, bố trí, sử dụng cán bộ.

2- Điều động cán bộ là việc phân công, bố trí, chuyển đổi vị trí công tác có thời hạn hoặc không xác định thời hạn đối với cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị (không phân biệt giữ chức vụ hoặc không giữ chức vụ) theo quy định của Đảng và Nhà nước, theo kế hoạch hoặc theo yêu cầu công tác của cơ quan có thẩm quyền.

3- Người địa phương được hiểu là người sinh ra, lớn lên và trưởng thành ở địa phương đó hoặc là người đã học tập, công tác từ 20 năm trở lên ở địa phương đó.

4- Cán bộ giữ chức vụ không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp được hiểu là không giữ một chức vụ cấp trưởng (đối với cả chức danh bầu cử và bổ nhiệm) liên tục từ 8 năm trở lên ở cùng một địa phương, cơ quan, đơn vị.

5- Cơ quan nơi đi: Địa phương, cơ quan, đơn vị cử cán bộ đi luân chuyển.

6- Cơ quan nơi đến: Địa phương, cơ quan, đơn vị tiếp nhận cán bộ luân chuyển.

II- QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phạm vi, đối tượng, chức danh luân chuyển

1- Phạm vi

Luân chuyển từ Trung ương về địa phương; từ địa phương này sang địa phương khác; từ địa phương về cơ sở và ngược lại; luân chuyển giữa các cơ quan, đơn vị khối đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước.

2- Đối tượng

- Cán bộ trẻ, có năng lực, triển vọng, trong quy hoạch của địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

- Cán bộ được luân chuyển để thực hiện chủ trương bố trí cán bộ không phải là người địa phương và cán bộ không giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp ở một địa phương, cơ quan, đơn vị, cụ thể:

+ Bí thư tỉnh ủy, huyện ủy và tương đương.

+ Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

+ Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân, chánh án toà án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

+ Cán bộ lãnh đạo cấp trưởng các ngành thanh tra, công an, tài chính, thuế, hải quan cấp tỉnh, cấp huyện.

- Trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3- Chức danh bố trí luân chuyển

- Đối với cán bộ đã giữ chức vụ cấp trưởng 2 nhiệm kỳ liên tục và những cán bộ luân chuyển để thực hiện chủ trương không phải là người địa phương, khi luân chuyển chủ yếu bố trí làm cấp trưởng.

- Đối với cán bộ trẻ luân chuyển để đào tạo, rèn luyện chủ yếu bố trí làm cấp phó.

- Trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện

1- Có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; có năng lực và triển vọng phát triển; về cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, tiêu chí chức danh luân chuyển theo quy định.

2- Có quy hoạch, có trình độ chuyên môn, đủ sức khoẻ công tác.

3- Còn thời gian công tác ít nhất 2 nhiệm kỳ (10 năm) tính từ thời điểm đi luân chuyển (50 tuổi đối với nam, 45 tuổi đối với nữ, trừ cán bộ nữ thuộc diện được kéo dài thời gian công tác theo quy định); cán bộ luân chuyển để bố trí không phải người địa phương, không giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp phải đủ thời gian công tác ít nhất trọn một nhiệm kỳ. Trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 6. Thẩm quyền, trách nhiệm

1- Thẩm quyền: Thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2- Trách nhiệm

- Cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển cán bộ: Lãnh đạo xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ; thực hiện quy trình, thủ tục bảo đảm dân chủ, công

khai, minh bạch; kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; quản lý, đánh giá, nhận xét, bố trí, phân công công tác đối với cán bộ sau luân chuyển; sơ kết, tổng kết công tác luân chuyển cán bộ.

- Cơ quan nơi đi: Nhận xét, đánh giá, đề xuất cán bộ luân chuyển; phối hợp với cơ quan liên quan trong công tác quản lý, giám sát và giữ mối liên hệ thường xuyên với cán bộ luân chuyển; có trách nhiệm tiếp nhận, bố trí hoặc đề xuất bố trí công tác đối với cán bộ sau luân chuyển...

- Cơ quan nơi đến: Chấp hành nghiêm quyết định về luân chuyển cán bộ của cấp có thẩm quyền; có trách nhiệm bố trí công tác, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để cán bộ luân chuyển phát huy năng lực, sở trường; quản lý, đánh giá cán bộ; phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất hướng bố trí, sử dụng cán bộ sau luân chuyển...

- Cán bộ luân chuyển: Chấp hành nghiêm các quy định, quy chế, phân công của cấp có thẩm quyền, cơ quan nơi đi và nơi đến; tu dưỡng, rèn luyện, nỗ lực, cố gắng, phát huy năng lực, sở trường để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; chịu sự kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý; giữ mối liên hệ với cơ quan nơi đi, cơ quan tham mưu tổ chức - cán bộ...

- Cơ quan tham mưu tổ chức - cán bộ của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu giúp cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng kế hoạch luân chuyển, nhận xét, đánh giá, đề xuất bố trí, sắp xếp cán bộ trước và sau luân chuyển; tham mưu sơ kết, tổng kết,... về công tác luân chuyển cán bộ.

- Các cơ quan liên quan: Tham gia thẩm định nhân sự luân chuyển theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp với cơ quan tham mưu tổ chức - cán bộ trong công tác kiểm tra, giám sát và tham gia ý kiến trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ sau luân chuyển,...

Điều 7. Kế hoạch, quy trình, hồ sơ cán bộ luân chuyển

1- Kế hoạch

Căn cứ quy hoạch cán bộ, nhu cầu công tác và năng lực, sở trường của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ thuộc phạm vi quản lý. Kế hoạch phải làm rõ các nội dung cơ bản: Nhu cầu, vị trí luân chuyển; hình thức luân chuyển; địa bàn luân chuyển; thời hạn luân chuyển; cơ chế, chính sách cần thiết bảo đảm thực

hiện; dự kiến phương án bố trí cán bộ sau luân chuyển...

Trên cơ sở kế hoạch, lập danh sách cán bộ luân chuyển và nêu biện pháp thực hiện cụ thể đối với từng cán bộ.

2- Quy trình

Bước 1: Căn cứ vào nhu cầu luân chuyển cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng kế hoạch luân chuyển trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho chủ trương.

Bước 2: Căn cứ vào chủ trương của cấp có thẩm quyền, cơ quan tham mưu tổ chức - cán bộ thông báo để các địa phương, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự luân chuyển.

Bước 3: Tổng hợp đề xuất của các địa phương, cơ quan, đơn vị; cơ quan tham mưu tổ chức - cán bộ tiến hành rà soát tiêu chuẩn, tiêu chí và dự kiến địa bàn, chức danh và nhân sự luân chuyển. Lấy ý kiến nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến luân chuyển.

Bước 4: Cơ quan tham mưu tổ chức - cán bộ gửi văn bản lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan, trao đổi với nơi đi, nơi đến về dự kiến địa bàn, chức danh và nhân sự luân chuyển; tổng hợp kết quả thẩm định và trao đổi với cán bộ dự kiến luân chuyển.

Tổ chức gặp gỡ cán bộ được luân chuyển để quán triệt mục đích, yêu cầu luân chuyển; đồng thời, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và xác định trách nhiệm đối với cán bộ luân chuyển.

Bước 5: Cơ quan tham mưu tổ chức - cán bộ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện (công bố quyết định, chỉ đạo bầu cử và các công việc cần thiết khác).

3- Hồ sơ cán bộ luân chuyển

Hồ sơ cán bộ luân chuyển tương tự như hồ sơ bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định hiện hành.

Điều 8. Thời gian luân chuyển

Ít nhất là 3 năm (36 tháng) đối với một chức danh (trừ chức danh kiêm nhiệm). Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 9. Nhận xét, đánh giá đối với cán bộ luân chuyển

1- Cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, đề xuất cán bộ luân chuyển có trách nhiệm nhận xét, đánh giá về phẩm

chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác và uy tín; quá trình công tác và ưu, khuyết điểm của cán bộ; có kết luận về tiêu chuẩn chính trị theo Quy định số 57-QĐ/TW, ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị "Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng", báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định luân chuyển cán bộ.

2- Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi có cán bộ luân chuyển đến tiến hành nhận xét, đánh giá cán bộ luân chuyển theo các tiêu chí quy định; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

3- Nhận xét, đánh giá khi hết thời gian luân chuyển

- Cán bộ luân chuyển tự kiểm điểm về quá trình công tác trong thời gian luân chuyển.

- Ban thường vụ cấp uỷ, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi có cán bộ luân chuyển đến nhận xét, đánh giá cán bộ luân chuyển trong thời gian công tác tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển nhận xét, đánh giá về cán bộ luân chuyển.

4- Cấp uỷ, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về nhận xét, đánh giá và kết luận của mình đối với cán bộ luân chuyển.

Điều 10. Nguyên tắc bố trí cán bộ sau luân chuyển

Việc xem xét bố trí, phân công cán bộ sau luân chuyển phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế, kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với trách nhiệm cá nhân của cán bộ được luân chuyển và kết quả nhận xét, đánh giá cán bộ.

Điều 11. Chế độ, chính sách đối với cán bộ luân chuyển

1- Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ luân chuyển: Bố trí nhà ở công vụ, hỗ trợ đi lại, sinh hoạt phí, nhất là ở địa bàn khó khăn; bảo lưu chế độ, phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ luân chuyển nếu chức danh luân chuyển có chế độ, phụ cấp trách nhiệm thấp hơn.

2- Cán bộ luân chuyển có thành tích đặc biệt xuất sắc (có sáng kiến, sản phẩm công tác cụ thể được cấp có thẩm quyền công nhận) được xem xét nâng lương trước thời hạn; được ưu tiên khi xem xét bố trí công tác sau luân chuyển.

Điều 12. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

Các cấp uỷ, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát công tác luân chuyển cán bộ theo quy định; đề xuất khen thưởng, biểu dương đối với những nơi làm tốt và có biện pháp chấn chỉnh, xử lý đối với những tổ chức, cá nhân vi phạm.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1- Căn cứ quy định của Bộ Chính trị, các cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cụ thể hoá thành quy định cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn nhưng không được trái với Quy định này.

2- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng và ban hành quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ luân chuyển.

3- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này; đề xuất Bộ Chính trị xem xét, biểu dương, khen thưởng đối với những nơi làm tốt và có biện pháp chấn chỉnh, xử lý đối với những tổ chức, cá nhân vi phạm; định kỳ tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị.

4- Bãi bỏ những quy định trước đây về luân chuyển cán bộ không phù hợp Quy định này.





Quyết định số 2061/QĐ-BTC ngày 13/10/2017 của Bộ Tài chính về việc Áp dụng thí điểm quản lý, giám sát tự động đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cảng hàng không quốc tế Nội Bài

Ngày 13/10/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2061/QĐ-BTC về việc Áp dụng thí điểm quản lý, giám sát tự động đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cảng hàng không quốc tế Nội Bài

Theo đó, Quyết định có một số nội dung đáng chú ý như sau:

Quyết định này áp dụng thí điểm đối hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh có cửa khẩu xuất (địa điểm xếp hàng khai trên tờ khai xuất khẩu) hoặc cửa khẩu nhập (địa điểm dỡ hàng khai trên tờ khai nhập khẩu) là Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài thuộc địa bàn quản lý của Cục Hải quan Hà Nội.

Bộ Tài chính cũng giao cho Tổng cục Hải quan có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các điều kiện kỹ thuật để triển khai thí điểm việc quản lý, giám sát hải quan tự động đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài.

Các cục Hải quan các tỉnh thành phố hướng dẫn người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh kho hàng không tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải thực hiện theo quy định của Quyết định này khi thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh có cửa khẩu xuất hoặc cửa khẩu nhập là Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài.

Theo quyết định khi kết thúc quá trình thí điểm, tổ chức báo tổng kết báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất giải pháp hoàn thiện nội dung thí điểm quản lý, giám sát hải quan tự động đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh tại Cảng Hàng không quốc

tế Nội Bài để xây dựng thành văn bản quy phạm pháp luật về hải quan.

Quyết định 2061/QĐ-BTC, cũng hướng dẫn các nội dung liên quan đến giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra kho hàng không; giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu đã được thông quan, đã đưa vào khu vực giám sát hải quan...; các giải pháp xử lý sự cố mạng khi khai báo hải quan, kết nối giám sát, thông quan hàng hóa.

Cục Hải quan Hà Nội bố trí công chức tại Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài tiếp nhận và xử lý sự cố 24/7, đảm bảo không gây ách tắc cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa. Quyết định có hiệu lực từ ngày 16/10/2017.

Thông tư 39/2017/TT-BYT quy định về gói dịch vụ y tế cơ bản (DVTTCB) cho tuyến cơ sở.

Ngày 25/8/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1267/QĐ-TTg về việc phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển hệ thống y tế địa phương giai đoạn 2016-2020

Theo đó, thông tư có một số nội dung cụ thể như sau:

- Người tham gia BHYT sử dụng gói DVTTCB do quỹ BHYT chi trả (áp dụng với cơ sở y tế tuyến xã) sẽ được hưởng quyền lợi theo phạm vi hưởng và mức hưởng theo quy định pháp luật về BHYT. (Danh mục dịch vụ thuộc gói DVTTCB do quỹ BHYT chi trả gồm các dịch vụ kỹ thuật khám, chữa bệnh tại Phụ lục I và danh mục thuốc tại Phụ lục II)

- Gói DVTTCB phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe gồm các dịch vụ thiết yếu quy định tại Phụ lục III Thông tư này áp dụng tại Trung tâm y tế huyện và các trạm y tế cấp xã.

- Gói DVTTCB được cập nhật định kỳ 1 – 2 năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.



Nghị quyết 437/NQ-UBTVQH14 về việc hoàn thiện, đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật trong đầu tư và khai thác công trình giao thông theo hình thức BOT.

Ngày 21/10/2017, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 437/NQTVQH14 về việc hoàn thiện, đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật trong đầu tư và khai thác công trình giao thông theo hình thức BOT

Theo đó, UBTVQH yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng chỉ đạo Bộ Giao thông cùng các cơ quan liên quan thực hiện những nội dung sau:

- Đối với dự án đường bộ đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT chỉ áp dụng đối với các tuyến đường mới để đảm bảo quyền lựa chọn cho người dân, không đầu tư các dự án cải tạo nâng cấp các tuyến đường độc đạo, hiện hữu.
- Tiến hành rà soát các quy định về lập, phê duyệt, quản lý các chi phí về đầu tư xây dựng và vận hành các công trình giao thông đường bộ theo hình thức BOT.
- Bổ sung chế tài xử lý đối với các nhà đầu tư chậm quyết toán, chậm công khai và cập nhật lượng phương tiện, doanh thu hoàn vốn kèm quy định về thời gian thu giá sử dụng dịch vụ.

Ngoài ra, việc lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu phải thực hiện đấu thầu công khai minh bạch theo quy định pháp luật, hạn chế tối đa việc chỉ định thầu...

Nghị quyết 437/NQ-UBTVQH14 ban hành ngày 21/10/2017.



Chỉ thị 39/CT-TTg về tăng cường về tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ

Ngày 24/10/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 39/CT-TTg về tăng cường về tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ, nội dung cụ thể như sau:

Thời gian qua, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ xảy ra rất phức tạp, ở nhiều địa phương, trong hoạt động công vụ của nhiều ngành, nhất là trong hoạt động chống tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, thi hành án, thanh tra, kiểm lâm, quản lý thị trường, y tế, báo chí...

Hành vi chống người thi hành công vụ diễn biến theo hướng mạnh động, coi thường pháp luật; số đối tượng xấu, phản động, cơ hội chính trị tìm cách lợi dụng kích động chống phá chính quyền và các cơ quan thực thi pháp luật, xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người thi hành công vụ, tài sản của cơ quan, tổ chức và cá nhân, ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật.

Tình hình trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do: Cấp ủy, chính quyền, đoàn thể một số nơi chưa quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; chưa chủ động và thiếu giải pháp thiết thực, hiệu quả để phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin tuyên truyền, định hướng dư luận trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự và thực thi pháp luật.

Bên cạnh đó, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế, dễ bị kích động dẫn đến có hành vi chống lại lực lượng thi hành công vụ. Trình độ nghiệp vụ, pháp luật, kỹ năng thi hành công vụ, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của một số cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, thậm chí tham nhũng, tiêu cực, gây phiền hà, những nhiều, bức xúc cho người dân. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với lực lượng

thực thi pháp luật chưa thường xuyên, chặt chẽ, nhiều vụ việc sai phạm chưa được phát hiện, chấn chỉnh, xử lý kịp thời. Một số cơ chế chính sách, quy định của pháp luật trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm và vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ nói riêng còn bộc lộ những bất cập, hạn chế; chế tài xử lý đối với hành vi chống người thi hành công vụ chưa đủ sức răn đe.

Kết hợp nhiều biện pháp tuyên truyền chính sách pháp luật

Để nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, xây dựng xã hội kỷ cương, kỷ luật, tạo môi trường ổn định, an ninh, an toàn, trật tự và lành mạnh phục vụ xây dựng, phát triển đất nước, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kết hợp nhiều biện pháp để tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho nhân dân về chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật và chế tài xử lý đối với hành vi chống người thi hành công vụ; quyền, nghĩa vụ của công dân và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các lực lượng thực thi công vụ, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm, nghĩa vụ của người dân trong việc tuân thủ, giám sát, ủng hộ, giúp đỡ các lực lượng thi hành công vụ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đẩy mạnh công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, tạo dư luận xã hội lên án và đấu tranh mạnh mẽ với các hành vi chống người thi hành công vụ; bảo đảm pháp luật được thực thi nghiêm minh; đồng thời, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân và lực lượng thi hành công vụ.

Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, siết chặt kỷ cương, kỷ luật công vụ; thường xuyên phổ biến, quán triệt về tình hình, yêu cầu nhiệm vụ phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm, vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ nói riêng, nhằm nâng cao nhận thức cho người thực thi công vụ. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các nội quy, quy chế, quy trình, kế hoạch công tác, quy định rõ phạm vi trách nhiệm, cơ chế phối hợp, điều kiện đảm bảo trong thực thi nhiệm vụ, nhất là về những cơ chế chính sách pháp luật còn bất cập, những sơ hở yếu kém trong công tác quản lý nhà nước chưa được người dân đồng tình.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị và Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 28/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới,

Nghị định số 208/2013/NĐ-CP ngày 17/12/2013 của Chính phủ quy định các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi chống người thi hành công vụ, Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Nâng cao nhận thức về pháp luật, quyền hạn, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, lễ tiết, tác phong và văn hóa công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người thi hành công vụ. Xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm của cơ quan, đơn vị.

Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ các nội quy, quy chế, quy trình, phương án, kế hoạch công tác đối với từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng cụ thể. Trong đó, phải chú ý xác định rõ trách nhiệm thực thi công vụ, cơ chế kiểm tra, giám sát, chỉ huy, chỉ đạo, phối hợp và điều kiện đảm bảo thi hành công vụ, đồng thời dự kiến đầy đủ các tình huống có thể xảy ra để chủ động đề ra các biện pháp giải quyết hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, người thi hành công vụ phải tránh tư tưởng chủ quan, lơ là, luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động, sẵn sàng giải quyết mọi tình huống xảy ra. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, pháp luật, phương pháp vận động, thuyết phục, đối thoại với quần chúng; ý thức chấp hành pháp luật và kỹ năng sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện nghiệp vụ, phòng vệ, xử lý tình huống... cho các lực lượng trực tiếp thi hành công vụ.

Giải quyết triệt để những vụ việc khiếu kiện đông người, kéo dài

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường công tác nắm tình hình trong nhân dân để kịp thời phát hiện, giải quyết triệt để những vụ việc khiếu kiện đông người, kéo dài, những nguyên nhân, điều kiện có thể phát sinh tội phạm, vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ, như thực hiện các chính sách xã hội có liên quan đến người dân không công bằng, thiếu công khai, minh bạch. Tập trung thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình thực thi công vụ, để kịp thời phát hiện và có biện pháp giải quyết, khắc phục ngay những sơ hở, bất cập, nhằm phòng ngừa, ngăn chặn triệt để các hành vi chống người thi hành công vụ trong lĩnh vực, địa bàn thuộc quyền quản lý.

Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, gây phiền hà, sách nhiễu người dân, các vi phạm về tác phong, thái độ ứng xử trong khi thi hành công vụ, xem xét xử lý trách nhiệm liên đới của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; kịp thời phát hiện, động viên, khen thưởng những điển hình tốt về tinh thần, thái độ phục vụ của người thi hành công vụ. Thực hiện nghiêm túc việc thông báo về địa phương nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người có hành vi chống

người thi hành công vụ học tập, làm việc để có biện pháp phòng ngừa, quản lý, giáo dục.

Quan tâm bảo đảm chế độ, chính sách phù hợp cho các lực lượng thực thi công vụ, nhất là các trường hợp bị thương hoặc hy sinh khi thi hành công vụ. Chủ động bố trí, trang bị hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền trang bị các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định của pháp luật cho các lực lượng thuộc quyền quản lý để đảm bảo thi hành công vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Bố trí nguồn kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm để bảo đảm cho công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý hành vi chống người thi hành công vụ theo quy định của pháp luật. Tiếp tục đầu tư nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ.

Làm rõ những bất cập về pháp luật liên quan hoạt động thi hành công vụ

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Công an nghiên cứu, rà soát, làm rõ những bất cập, hạn chế về pháp luật liên quan hoạt động thi hành công vụ và đấu tranh phòng, chống **tội phạm**, vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ, đề sớm đề xuất cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra, góp phần bảo đảm quyền, nghĩa vụ công dân, bảo vệ người thi hành công vụ, nêu cao kỷ cương, kỷ luật và tính nghiêm minh của pháp luật. Cần có hướng dẫn cụ thể cho phép người thi hành công vụ trong trường hợp nào thì được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để trấn áp, khống chế, vô hiệu hoá người có hành vi chống lại người thi hành công vụ hoặc trong trường hợp phòng vệ chính đáng.

Bộ Công an triển khai các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, kịp thời phối hợp giải quyết các yêu cầu, kiến nghị liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của tổ chức, công dân theo đúng quy định của pháp luật; tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp giải quyết, ổn định các vụ việc phức tạp trong nội bộ nhân dân ngay từ đầu, từ cơ sở, không để trở thành “điểm nóng”, gây bức xúc trong xã hội, kéo dài.

Bên cạnh đó, tập trung chỉ đạo lực lượng, biện pháp khẩn trương điều tra, làm rõ và xử lý nghiêm minh, kịp thời, triệt để theo quy định của pháp luật các vụ án chống người thi hành công vụ đã xảy ra, không để kéo dài, đảm bảo tất cả các hành vi chống người thi hành công vụ đều được điều tra, xử lý; đồng thời thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm nghiêm túc công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc chống người thi hành công vụ.

Xét xử lưu động một số vụ án điển hình về chống người thi hành công vụ

Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; xét xử lưu động một số vụ án điển hình về chống người thi hành công vụ, nhất là các vụ án có đối tượng coi thường pháp luật, làm người thi hành công vụ hy sinh hoặc gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khoẻ của người thi hành công vụ, nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa chung; bảo đảm nghiêm minh, không để lọt tội phạm.

Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí ở Trung ương và địa phương tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, chấp hành và thực thi pháp luật trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự nói chung và công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ nói riêng; kịp thời thông tin, tuyên truyền, đảm bảo khách quan, trung thực, phản ánh đúng bản chất sự việc, không để các thế lực thù địch, đối tượng xấu lợi dụng kích động, gây phức tạp về an ninh, trật tự.

Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tích cực phối hợp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân; phối hợp giám sát hoạt động của người thi hành công vụ, bảo đảm thực hiện tốt các quy định của pháp luật trong phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ.

← →

CÔNG VĂN GIẢI ĐÁP, HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ

Công văn số 11050/VPCP-ĐMDN ngày 17/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Về dự thảo sửa đổi điều lệ PVN, Chính phủ chỉ đạo một số nội dung:

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 23 dự thảo Điều lệ PVN như đề nghị của Bộ Công Thương. Không quy định cụ thể quyền quyết định các dự án sử dụng nguồn vốn từ tiền lãi dầu khí nước chủ nhà từ Hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí, lợi nhuận được chia từ liên doanh dầu khí và tiền độc tài liệu dầu khí để lại cho PVN trong Điều lệ PVN, việc quyết định các dự án này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi đã xác định rõ nguồn vốn nêu trên là vốn đầu tư công hay không phải đầu tư công theo Quy chế quản lý tài chính của PVN; Bộ Công Thương viết lại khoản 9 và 10 Điều 38 dự thảo Điều lệ PVN để thể hiện rõ và chính xác nội dung này, đồng thời bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật dầu khí.

2. Rà soát quy định về việc phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của PVN; thẩm định, chấp thuận đối với các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ (điểm đ khoản 3 Điều 24 và khoản 16 Điều 38 dự thảo Điều lệ PVN) để bảo đảm đúng quy định của pháp luật về quản lý vay và trả nợ nước ngoài, cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và các quy định pháp luật có liên

quan, bảo đảm thống nhất với Quy chế quản lý tài chính của PVN.

3. Rà soát các quy định pháp luật hiện có và nghiên cứu việc cần thiết bổ sung vào Điều lệ PVN hoặc văn bản pháp luật khác để bảo đảm quy định chặt chẽ về thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng quy trình, giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán đối với lĩnh vực thương mại do PVN và các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư.

4. Nghiên cứu quy định về điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc của PVN để nâng cao trình độ năng lực, kinh nghiệm quản lý, điều hành PVN và phù hợp với các quy định về công tác cán bộ.

5. Điều chỉnh, bổ sung dự thảo Điều lệ PVN theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 430/TB-VPCP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về Điều lệ tổ chức và hoạt động của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

6. Hoàn thiện dự thảo Điều lệ PVN, trình Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ xem xét, ký ban hành. Văn phòng Chính phủ thông báo để Bộ Công Thương biết, thực hiện./.

DANH MỤC VĂN BẢN NỘI BỘ*

Ký hiệu văn bản	Ngày/tháng ban hành	Tên loại và trích yếu nội dung	Hiệu lực văn bản
03/QĐ-HĐQT-DVKT	26/03/2009	Quy chế Người đại diện của PVPS tại các doanh nghiệp khác	Hiệu lực kể từ ngày ký
43/QĐ-HĐQT.PVPS	08/09/2010	Quy chế quản trị Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
240/QĐ-HĐQT	09/12/2014	Quy chế thực hiện dân chủ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Hiệu lực kể từ ngày ký
140/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế Hội nghị người lao động Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
141/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế đối thoại tại nơi làm việc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
165/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định tiêu chuẩn bậc an toàn chung, bậc an toàn điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Hiệu lực kể từ ngày ký
166/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe Môi trường của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
167/QĐ-DVKT	20/03/2015	Các nguyên tắc an toàn cơ bản của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
168/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy trình quản lý sức khỏe và bệnh nghề nghiệp	Hiệu lực kể từ ngày ký
171/QĐ-DVKT	20/03/2015	Phương án phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Hiệu lực kể từ ngày ký
172/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định phân công trách nhiệm trong công tác an toàn – vệ sinh lao động	Hiệu lực kể từ ngày ký
173/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định chế độ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2009	Hiệu lực kể từ ngày ký
174/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định quản lý nhà thầu phụ trong công tác An toàn lao động và vệ sinh môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký

175/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	Hiệu lực kể từ ngày ký
220/QĐ-DVKT	08/04/2015	Quy định thi an toàn, giữ bậc, nâng bậc và xét nâng lương	Hiệu lực kể từ ngày ký
731/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
732/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định phân định trách nhiệm trong công tác An toàn vệ sinh lao động	Hiệu lực kể từ ngày ký
766/QĐ-DVKT	05/06/2015	Quy định quản lý hợp đồng kinh tế	Hiệu lực kể từ ngày ký
811/QĐ-DVKT	17/07/2015	Quy trình quản lý kỹ thuật	Hiệu lực kể từ ngày ký
814/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định trực xử lý sự cố Nhà máy điện	Hiệu lực kể từ ngày ký
815/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định đào tạo tay nghề tại chỗ	Hiệu lực kể từ ngày ký
816/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định nghiệm thu nội bộ thiết bị sau bảo dưỡng – sửa chữa của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
177/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý (chuyên trách) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
178/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế trả lương sửa đổi cho CBCNV công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
807/QĐ-DVKT	26/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và bảo dưỡng palăng xích của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
832/QĐ-DVKT	30/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa tời điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
837/QĐ-DVKT	03/08/2015	Quy định thực hiện chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật	Hiệu lực kể từ ngày ký
1160/QĐ-DVKT	16/11/2015	Thỏa ước lao động tập thể	Hiệu lực kể từ ngày ký
1161/QĐ-DVKT	16/11/2015	Nội quy lao động	Hiệu lực kể từ ngày ký
1180/QĐ-DVKT	26/11/2015	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng chức năng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký

1215/QĐ-DVKT	16/12/2015	Quy định về công tác quản lý văn bản của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1245/QĐ-DVKT	29/12/2015	Quy định quản lý và sử dụng phương tiện đi lại của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1285/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình tổ chức sáng kiến	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1287/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình lập, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và chế độ báo cáo của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
23/QĐ-HĐQT-DVKT	15/01/2016	Quy trình quản lý vật tư, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
31/QĐ-DVKT	19/01/2016	Quy trình nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
69/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn hóa chất	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
70/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
71/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn khi hàn điện-hàn hơi.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
72/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn khi làm việc trên cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
73/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị áp lực	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
74/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
75/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tại các Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
30/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đấu thầu của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
32/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
45/QĐ/HĐQT-DVKT	03/03/2016	Quy chế thi đua, Khen thưởng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

164/QĐ-DVKT	18/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành Kế hoạch Ứng cứu tình huống khẩn cấp.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
172/QĐ-DVKT	23/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn làm việc trong điều kiện có khí Hydro của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
187/QĐ-DVKT	30/03/2016	Quy định về quản lý công nợ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
106/QĐ/HĐQT-DVKT	05/04/2016	Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu Khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
126/QĐ/HĐQT-DVKT	22/04/2016	Quy chế chi tiêu nội bộ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
330/QĐ-DVKT	09/06/2016	Quy định công tác quản lý công cụ dụng cụ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
175/QĐ/HĐQT-DVKT	10/06/2016	Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
367/QĐ-DVKT	22/06/2016	Quy định công tác phối hợp giữa các phòng/đơn vị	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
390/QĐ-DVKT	30/06/2016	Quy định tổ chức và quản lý hoạt động của Website Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
709/QĐ-DVKT	22/09/2016	Hướng dẫn làm việc an toàn trong không gian hạn chế	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
740/QĐ-DVKT	10/10/2016	Quy định quản lý chấm công lao động tại Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
760/QĐ-DVKT	24/10/2016	Quy định chức năng nhiệm vụ Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
804/QĐ-DVKT	08/11/2016	Quy định tiêu chuẩn công nhân kỹ thuật cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
324/QĐ/HĐQT-DVKT	06/12/2016	Quy định về tiêu chuẩn chức danh công việc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
877/QĐ-DVKT	12/12/2016	Quy định lập báo cáo thực hiện các chỉ đạo của HĐQT Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
329/QĐ/HĐQT-DVKT	14/12/2016	Quy chế thưởng an toàn Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

881/QĐ-DVKT	15/12/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
885/QĐ-DVKT	21/12/2016	Quy chế hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
154/QĐ-DVKT	28/4/2017	Quyết định về việc ban hành Quy định đánh giá tập thể và CBCNV Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
189/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Sổ tay chất lượng và môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
190/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát tài liệu	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
191/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát hồ sơ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
192/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình đánh giá nội bộ (QT-03)	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
193/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Xử lý sự không phù hợp và hành động khắc phục	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
194/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tuyển dụng, tiếp nhận, thử việc	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
195/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tổ chức đào tạo	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
196/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình quản lý cơ sở hạ tầng, thiết bị văn phòng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
197/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc ban hành và áp dụng Quy trình Xác định và quản lý rủi ro chất lượng – an toàn – môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
198/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình quản lý kỹ thuật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
199/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tổ chức triển khai và nghiệm thu sửa chữa Đại tu, Trung tu, Tiểu tu Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
200/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Tổ chức sáng kiến cải tiến kỹ thuật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
201/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tiếp nhận và xử lý phản hồi, khiếu nại của Khách hàng/các bên hữu quan	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
202/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình rao đổi thông tin liên lạc	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
203/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Tiếp cận, tuân thủ, giám sát các yêu cầu của pháp luật và các yêu cầu khác	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

204/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình ứng phó với tình huống khẩn cấp	Hiệu lực kể từ ngày ký
205/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro	Hiệu lực kể từ ngày ký
206/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
207/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
208/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định vệ sinh môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
209/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định quản lý và sử dụng điện, gas	Hiệu lực kể từ ngày ký
210/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định an toàn trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tại các Nhà máy điện	Hiệu lực kể từ ngày ký
211/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định kiểm tra công tác an toàn sức khỏe môi trường tại các Chi nhánh	Hiệu lực kể từ ngày ký
212/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định về hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
336/QĐ-DVKT	01/8/2017	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quy trình ứng cứu tình huống khẩn cấp QT-MT.03	Hiệu lực kể từ ngày ký
239/QĐ/HĐQT-DVKT	07/9/2017	Quyết định phê duyệt ban hành Quy chế đào tạo	Hiệu lực kể từ ngày ký
264/QĐ/HĐQT-DVKT	30/10/2017	Quyết định phê duyệt Quy chế về tiêu chuẩn chức danh và chính sách cho cán bộ công nhân viên kỹ thuật cao	Hiệu lực kể từ ngày ký
264/QĐ/HĐQT-DVKT	30/10/2017	Quyết định phê duyệt Quy chế tuyển dụng, quản lý và sử dụng lao động	Hiệu lực kể từ ngày ký

* Văn bản do các phòng chức năng Công ty chủ trì soạn thảo, quản lý.

Biên soạn : Hoàng Hà
 Kiểm duyệt : Nguyễn Duy Long
 Email :
pth@pvps.vn/hoangha@pvps.vn
 Điện thoại : 04.37878186 (ext: 216)
 Fax : 04.37878185